BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ HOÀNG AN

(Kèm theo Nghị quyết số:85 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Quốc lộ 2C	Tiếp giáp địa phận xã Tam Dương	Tiếp giáp địa phận xã Tam Dương Bắc	11.500	7.500	3.500	5.200	1.600	900	3.500	1.000	700	6	527	2	40
2	Tỉnh lộ 309 (địa phận xã Hoàng An)	Tiếp giáp địa phận xã Tam Dương	Tiếp giáp đường ĐH24C (cầu Ngã)	14.500	9.400	3.500	8.000	3.700	600	3.500	1.500	500	31	247		
		Tiếp giáp ĐT305 (ngã ba Vàng)	Tiếp giáp địa phận xã Vĩnh An	14.500	8.700	1.500	6.300	2.700	500	5.500	2.000	400			43	74
		Tiếp giáp địa đường ĐH24C (cầu Ngã)	Tiếp giáp Tỉnh lộ 305	13.000	7.800	1.500	5.200	1.800	600	3.500	1.000	500				
3	Khu đấu giá QSDĐ Cửa Đầm	Các ô đất tiếp giáp đường gom ĐT309		14.000			9.800			6.900						
		Các ô đất còn lại		10.000			7.000			4.900						
4	Tỉnh lộ 306 (địa phận xã Hoàng An)	Tiếp giáp địa phận xã Hội Thịnh (xã Duy Phiên cũ)	Tiếp giáp đường TL 309	9.000	5.400	1.500	4.100	1.200	600	2.400	1.000	500	50	4	44	701
		Tiếp giáp xã Tam Dương	Đến Cầu Bì La	9.500	5.700	1.500							37	20	20	4
5	Đường ĐH26B	Tiếp giáp QL2C	Tiếp giáp địa phận xã Tam Dương Bắc	8.500	4.000	1.500	4.500	2.000	600	2.600	1.500	500	6	473	2	34
6	Đường ĐH24C	Tiếp giáp TL 309	Tiếp giáp TL 306	9.000	5.400	1.500	4.800	2.500	1.000	2.900	1.500	600	22	261	36	475
7	Đường từ tiếp giáp đường ĐT309 đến cổng xí nghiệp XZ72	Từ tiếp giáp đường ĐT309	Đến cổng xí nghiệp XZ72	8.000	5.000	1.500	3.000	2.800	700	1.900	2.000	600	40	641		
8	Đường ĐH29	Đoạn từ Đê Phó Đáy	Cầu Yên Thượng	7.000	4.200	1.500	3.600	1.700	600	2.300	1.200	600	12	414	12	568
		Cầu Yên Thượng	Hết khu đất đấu giá QSDĐ thôn Yên Thượng	11.000	7.600	2.200	7.200	4.600	1.000	4.300	1.900	700	12	418	12	427
9	Đường GTNT thôn Nội Điện	Từ QL 2C (từ nhà ông Trương Anh Tuấn)	qua NVH thôn Nội Điện đến đê tả sông Phó Đáy	5.000	3.000	1.500	1.800	1.200	600	1.100	700	400	6	618	5	629
		Đoạn từ QL 2C (từ nhà ông Vui - Huê)	qua NVH thôn Nội Điện đến chùa Nội Điện	5.000	3.000	1.500	1.800	1.200	600	1.100	700	400	6	188	9	427
10	Đường GTNT thôn Yên Thượng	Đoạn từ nhà ông Lý - Cần	Đến nhà ông Phương - Vân	4.500	3.500	1.800	3.100	1.900	1.000	1.800	1.200	600	12	114	15	675
11	Đường GTNT thôn Đô Lương	Từ đê tả Phó Đáy	Đến Trường TH, THCS An Hòa	4.500	3.500	1.800	2.700	1.700	1.000	1.600	1.000	600	22	41	23	328
		Từ TL 306	Đến hết khu dân cư Vườn Dầu	4.500	3.000	1.800	2.700	1.700	1.000	1.600	1.000	600				
		Cầu Đô Lương	Khu dân cư xóm rừng (xã An Hòa cũ)	4.000	3.000	1.800	2.700	1.700	1.000	1.600	1.000	600				
12	Đường GTNT thôn Ngọc Thạch 1	Đoạn từ ĐH 24C (qua nhà Sơn Nguyệt)	Đến TL 306	4.700	3.200	1.900	3.100	1.900	1.000	1.800	1.200	600	35	231	35	48
		Từ Tiếp giáp ĐH 24C (qua NVH Ngọc Thạch 1)	Đến nhà ông Hồ - Quyền	4.100	2.900	1.900	2.700	1.700	1.000	1.600	1.000	600	35	343	35	563
13	Đường GTNT thôn Ngọc Thạch 2	Đoạn từ tiếp giáp TL 309	Đến nhà bà Hưng - Minh	4.700	3.200	1.900	3.100	1.900	1.000	1.800	1.200	600	40	189	35	478
		Đoạn từ nhà ông Bộp - thuận	Đến tiếp giáp đường vào xí nghiệp XZ72	4.100	2.900	1.900	2.700	1.700	1.000	1.600	1.000	600	35	535	39	116
14	Đường GTNT thôn Phương Lâu	Đoạn từ TL 306 (qua NVH thôn Phương Lâu)	Đến nhà ông Vương Quốc Bình	4.700	3.200	1.900	3.100	1.900	1.000	1.800	1.200	600	44	442	48	109
15	Khu Đất đấu giá QSDĐ, Đất dịch vụ Thôn Hương Đình	Các thửa đất tiếp giáp với đường gom		18.000			12.600			8.800						
		Các thửa đất vị trí còn lại		13.000			9.100			6.400						
16	Tỉnh lộ 305 (địa phận xã Hoàng An)	Từ tiếp giáp địa phận xã Hội Thịnh (xã Duy Phiên cũ)	Đến hết khu đấu giá đồng Cột Mốc	25.000	15.000	3.000	16.200	5.200	2.100	11.400	4.500	1.500				
		Tiếp giáp khu đấu giá đồng Cột Mốc	Cầu Vàng	22.000	13.200	3.000	15.400	9.200	2.100	10.800	6.400	1.500			44	284
		Cầu Vàng	Đến hết địa phận xã Hoàng An (cầu Gạo)	20.000	12.000	2.500	12.000	2.300	1.100	1.500	1.500	800	44	284		
17	Đường Hoàng Lâu - Duy Phiên	Từ TL 305	Tiếp giáp đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	5.500	3.000	1.500	4.400	2.100	1.200	3.500	1.500	500				
		Đường TL 305 (Cống chén Đặt)	Cống Tuấn Huyền	6.500	3.500	1.500	4.600	2.500	1.100	3.200	1.800	800	17	775	21	322
18	Đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	Địa phận xã Hoàng An		15.000	12.000	3.000	13.300	9.700	800	4.200	1.800	500				
19	Đường TL 305 (Cây xăng Hoàng Lâu cũ) đến tiếp giáp đường Hoàng Lâu - Duy Phiên			6.500	3.500	1.500	5.400	2.500	800	4.200	1.800	500				
20	Khu đất dịch vụ và đấu giá quyền sử dụng đất khu Cột Mốc thôn Đồng Ké (Mặt cắt đường 13,5m không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường Tỉnh lộ 305)			10.000			7.100			2.800						
21	Khu đất dịch vụ và đấu giá QSDĐ khu Đồng Cúp Thôn Vò (Mặt cắt đường 13,5 m không bao gồm các thửa đất tiếp giáp đường tỉnh lộ 305			10.000			7.100			2.800						
22	Đường Hoàng Đan - Hoàng Lâu	Từ ĐT 309 (chùa Đan Trì)	Hoàng Lâu (ĐT 305)	5.000	3.000	1.500	4.400	2.500	1.200	3.400	1.800	1.000	26	960	35	62
23	Khu đất dịch vụ đấu giá giãn dân xã Hoàng Đan cũ (không bao gồm các thửa tiếp giáp đường Hoàng Đan - Hoàng Lâu)			5.000			4.400			3.400						
24	Đường Hoàng Đan – Duy Phiên	Từ ĐT309	Đi xã Duy Phiên (cũ)	7.000	5.000	1.500	6.200	4.000	1.000	2.600	1.800	850	11	504	12	1029